

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, TP HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Triệu Thị Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 1/5, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn Đồng Q, xã DT, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu phố 1/5, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VB, huyện VB từ ngày 20 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không hợp nhau về tâm sinh lý. Mặt khác, do anh H ham chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả nên từ đầu năm 2017 đến nay, chị phải về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con là Nguyễn Vũ Hà M, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2015. Hiện nay, con chung do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 10 năm 2017, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống cũng như quản lý kinh tế nên đầu năm 2017, chị N bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh có đến tìm chị N vài lần để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị N không về. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị N và con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Vũ Hà M, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2015. Hiện nay, con chung do anh nuôi dưỡng và chăm sóc. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Vũ Hà M, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2015 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị N và bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại khu phố 1/5 thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 anh H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng năm 2014. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được gần 01 năm, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Chị N xin ly hôn, anh H không đồng ý, anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị N và vì con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn và Hn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiền Hnh hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến và tại phiên tòa lần hai anh cũng vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, việc anh không lên Tòa án và không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị N và kéo dài sự ràng buộc không cần thiết, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung Nguyễn Vũ Hà M, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2015. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với thực tế việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh H và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H không có tài sản gì chung nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Hà M, sinh ngày 03/01/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị N đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005497 ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Chị N còn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBNDthị trấn VB, huyện VB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hnh chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Vịnh

